

THÔNG TƯ

BỘ TÀI CHÍNH SỐ 32/TC-TCĐN NGÀY 21/4/1995

SỬA ĐỔI BỔ SUNG THÔNG TƯ 44/TC-TCĐN NGÀY 21.5.1994 QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP CHO CÁN BỘ ĐI CÔNG TÁC NGẮN HẠN Ở NƯỚC NGOÀI.

Căn cứ vào tình hình thực tế, để đáp ứng yêu cầu của các đoàn đi công tác nước ngoài, nhằm tăng cường công tác quản lý, Bộ Tài chính bổ sung sửa đổi Thông tư 44/TC-TCĐN ngày 21.5.1994 như sau:

1. Về phạm vi áp dụng.

Chế độ công tác phí qui định trong Thông tư này áp dụng cho cán bộ đi công tác ngắn hạn: thời hạn công tác không quá 2 tháng. Trong trường hợp đặc biệt phải kéo dài thì thời gian áp dụng chế độ qui định theo Thông tư này cũng không được quá 6 tháng và áp dụng theo mức sau đây:

- Nếu thời gian công tác trên 2 tháng thì 2 tháng tiếp theo (Kể từ ngày thứ 61 đến ngày thứ 120) được hưởng 2/3 mức lưu trú (hoặc tiền tiêu vật) và tiền ở khoán nêu trong phụ lục đính kèm.
- Nếu trong thời gian công tác trên 4 tháng thì kể từ tháng thứ 5 đến hết tháng thứ 6 (từ ngày thứ 121 đến ngày thứ 180) được hưởng 1/2 mức lưu trú (hoặc tiền tiêu vật) và tiền ở khoán nêu trong phụ lục đính kèm.

Nếu đi công tác vượt trên 6 tháng, thì kể từ tháng thứ 7 hưởng mức lưu trú bằng mức sinh hoạt phí của cán bộ đi công tác nhiệm kỳ. Ngoài ra cán bộ đi công tác trên 2 tháng vẫn áp dụng các qui định khác nêu trong Thông tư 44 TC/TCĐN ngày 21. 5.1994 và các qui định trong Thông tư này.

Trường hợp đoàn đi theo hợp đồng nhập thiết bị hoặc đào tạo thì xem xét riêng.

2/ Thời gian quá cảnh

- Trường hợp có chuyến máy bay thẳng hoặc nối chuyến được, có sự xác nhận của hàng không, thì đoàn đi không được thanh toán công tác phí khi quá cảnh ở một nước mà không nhất thiết phải quá cảnh.
- Trường hợp bạn đài thọ tiền vé và ăn, ở, Bộ Tài chính không cấp tiền cho thời gian quá cảnh (Trừ trường hợp không có chuyến bay theo sự xác nhận của hàng không, thì được hưởng theo chế độ quá cảnh).

3. Bổ sung các khoản thanh toán.

Các đoàn được cấp tiền lệ phí sân bay khi xuất cảnh từ Việt nam và tiền lệ phí Visa theo hoá đơn thu tiền thực tế của các cơ quan cấp Visa.

4. Về tiền vé máy bay.

- Bộ Tài chính chỉ cấp tiền mua vé theo hành trình hợp lý có sự xác nhận của các Hãng hàng không vừa đảm bảo nhu cầu của đoàn công tác vừa tiết kiệm chi cho Ngân sách Nhà nước.

Mọi trường hợp mua vé đều phải có hoá đơn thu tiền hợp lệ của các hãng hàng không thì mới được thanh toán.

5. Các qui định khác:

- Bộ Tài chính không chi tiền bồi dưỡng trong bất cứ trường hợp nào.
- Trường hợp chi lễ tân ở nước ngoài (tặng phẩm, chiêu đãi....) phải được dự toán và được phép của cấp ra quyết định cử đoàn đi (Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, cơ quan chức năng của Đảng).
- Xác nhận của các cơ quan đại diện Việt nam ở nước ngoài không thay thế được các chứng từ cần thiết đã được qui định đề thanh toán.

- Chứng từ làm cơ sở thanh toán phải là phiếu thu tiền (Receipt, Recu, Tax invoice) hợp lệ, không tẩy, xoá, sửa chữa.
6. Phụ lục đính kèm theo Thông tư này thay thế cho phụ lục đính kèm Thông tư 44 TC/TCĐN ngày 21.5.1994.
7. Những nội dung qui định trong Thông tư 44 TC/TCĐN ngày 21.5.1994 của Bộ Tài chính trái với những nội dung qui định trong Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này có hiệu lực cho các đoàn xuất cảnh kê từ ngày ký.
8. Việc áp dụng chế độ chi tiêu trong Thông tư này không làm thay đổi kế hoạch kinh phí đoàn ra năm 1995 đã thông báo cho các Bộ, Ngành.

TT	NƯỚC	TIỀN –N TIÊU (U SD/NGàY)		TIỀN Ở (U SD/NGàY)		LỆ PHÍ S—N BAY VÀ TAXI (U SD/LƯỢT)	TIỀN TIÊU VẬT (U SD/NGàY)		GHI CHU
		A	B	A	B		A	B	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
Nhóm I	1.Mỹ	45.00	40.00	50.00	40.00	90.00	15.00	13.00	
	2. Nhật bản	45.00	40.00	50.00	40.00	90.00	15.00	13.00	
Nhóm II	1. áo	39.00	35.00	50.00	40.00	50.00	13.00	11.50	
	2. Canada	39.00	35.00	50.00	40.00	50.00	13.00	11.50	
	3. Đài loan	39.00	35.00	50.00	40.00	50.00	13.00	11.50	
	4. Hàn Quốc	39.00	35.00	50.00	40.00	50.00	13.00	11.50	
	5. Thụy sỹ	39.00	35.00	50.00	40.00	50.00	13.00	11.50	
Nhóm III	1. Anh	36.00	30.00	40.00	30.00	40.00	12.00	10.00	
	2. Bỉ	36.00	30.00	40.00	30.00	40.00	12.00	10.00	
	3. Cô oét	36.00	30.00	40.00	30.00	30.00	12.00	10.00	
	4. Đan mạch	36.00	30.00	40.00	30.00	40.00	12.00	10.00	
	5. Đức	36.00	30.00	40.00	30.00	40.00	12.00	10.00	
	6. Hà Lan	36.00	30.00	40.00	30.00	40.00	12.00	10.00	
	7. Hongkong	36.00	30.00	40.00	30.00	30.00	12.00	10.00	
	8. LB Nga	36.00	30.00	35.00	25.00	30.00	12.00	10.00	
	9. Nam Phi	36.00	30.00	40.00	30.00	30.00	12.00	10.00	
	10. Na uy	36.00	30.00	40.00	30.00	40.00	12.00	10.00	